TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Diễm T**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Dương Văn Bé O**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Thị Diễm T trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 1997 bà Đoàn Thị Diễm T và ông Dương Văn Bé O sau thời gian tự tìm hiểu, thương yêu nhau và chung sống với nhau như

vợ chồng, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. C sống với nhau đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến việc thường xuyên cự cãi, có khi xô xát gây thương tích cho nhau. Mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được nên bà T đã sống ly thân với ông O từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông bà không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên bà Đoàn Thị Diễm T yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Dương Văn Bé O là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống bà T và ông O có 02 người con chung tên Dương Hoài L, sinh ngày 08/11/1998 và Dương Thị Như H, sinh ngày 06/12/2002. Hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Bà Đoàn Thị Diễm T xác nhận quá trình chung sống bà và ông O không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn Bé O: Tại bản tự khai đề ngày 03/4/2024 ông O trình bày: Ông Dương Văn Bé O và bà Đoàn Thị Diễm T yêu thương và cưới nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian sống chung có hai người con chung tên Dương Hoài L, sinh ngày 08/11/1998 và Dương Thị Như H, sinh ngày 06/12/2002. Nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Nay bà Diễm T yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung nợ chung không có. Đồng thời ông Dương Văn Bé O cũng có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/4/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Đoàn Thị Diễm T yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Dương Văn Bé O là vợ chồng. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Dương Văn Bé O có nơi cư trú tại ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Dương Văn Bé O đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Bé O.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Diễm T và ông Dương Văn Bé O đều xác định năm 1997 ông bà về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo định của pháp luật. Sau thời gian chung sống với nhau, đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến việc thường xuyên cự cãi, có khi xô xát gây thương tích cho nhau. Mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được nên bà T đã sống ly thân với ông O từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân ông bà không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Chính vì vậy, khi bà T yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà T với ông O là vợ chồng, thì được ông O đồng ý.

Xét thấy, thời điểm bà T và ông O thiết lập quan hệ hôn nhân, thì ông bà đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông O đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX thống nhất tuyên bố không công nhận bà Đoàn Thị Diễm T và ông Dương Văn Bé O là vợ chồng.

[3.2] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống với nhau, bà T và ông O có 02 người con chung tên Dương Hoài L, sinh ngày 08/11/1998 và Dương Thị Như H, sinh ngày 06/12/2002. Hiện các con đã trưởng thành nên bà T và ông O thống nhất không yêu cầu Toà án không xem xét, giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Diễm T và ông Dương Văn Bé O đều xác nhận ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên không không yêu cầu Toà án không xem xét, giải quyết. Do đó HĐXX không giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Diễm T yêu cầu ly hôn, căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị Diễm T và ông Dương Văn Bé O là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Hai con chung tên Dương Hoài L, sinh ngày 08/11/1998 và Dương Thị Như H, sinh ngày 06/12/2002 đã trưởng thành. Bà T và ông O không yêu cầu Toà án không xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Diễm T và ông Dương Văn Bé O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc bà Đoàn Thị Diễm T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007137 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Bà Đoàn Thị Diễm T không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dâ n sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thị Quyên